|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** **TỈNH THANH HOÁ**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 82/KH-UBND | *Thanh Hóa, ngày 24 tháng 3 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện** **Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn**

**bền vững giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả các định hướng nhiệm vụ, giải pháp Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm đảm bảo các mục tiêu đã đề ra.

2. Quá trình tổ chức thực hiện phải bám sát các nội dung cơ bản của Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả; đồng thời, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn.

3. Phân công nhiệm vụ cụ thể để các ngành, địa phương, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực; ứng dụng công nghệ cao, thông minh và thực hiện tích tụ tập trung đất đai để hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn, hiệu quả cao theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm; sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Xây dựng nông thôn bền vững với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động hợp lý, các hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả, trình độ dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; các giá trị văn hóa ở nông thôn được giữ gìn và phát huy; an ninh trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái có hiệu quả cao, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

**2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

- Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản bình quân đạt 2,8 - 3%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 5,5 - 6%/năm.

- Tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản trong GRDP toàn tỉnh chiếm 3,8%.

- Mở rộng và phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 5 - 6%/năm.

- Nâng cao thu nhập người dân, giảm nghèo bền vững. Thu nhập của cư dân nông thôn cao hơn 2,7 - 3,2 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân từ 1,5% trở lên.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%; tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo lên 70%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 30%. Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đến năm 2030 đạt 80%.

- Sản lượng lương thực có hạt hàng năm ổn định ở mức 1,5 triệu tấn.

- Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn, phấn đấu tỷ lệ che phủ rừng đạt 54,5%, diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt 46.000 ha.

- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2030 đạt 99,5% (trong đó có 75% dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế).

- Toàn tỉnh có 100% đơn vị cấp huyện, 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tổng diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2030 được tăng thêm 50.000 ha.

**3. Tầm nhìn đến năm 2050**

Phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa và internet vạn vật theo chuỗi giá trị; nông thôn trở thành “nơi đáng sống”, văn minh, xanh, sạch, đẹp với điều kiện sống, thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận và kết nối chặt chẽ, hài hoà với đô thị góp phần đưa “Thanh Hóa trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh và hiện đại; tỉnh phát triển toàn diện và kiểu mẫu của cả nước” theo Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**III. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN BỀN VỮNG**

**1. Hoàn chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường**

Đẩy mạnh tích tụ tập trung đất đai, sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao; sản xuất hàng hóa, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng chuyển sang các cây trồng, vật nuôi có lợi thế phát triển, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực, có lợi thế của tỉnh theo Đề án. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo các tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường, cung cấp đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức dịch vụ hỗ trợ đồng bộ, hệ thống hậu cần thông suốt; đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị và thúc đẩy hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong từng vùng và giữa các vùng. Cụ thể trên các lĩnh vực, như sau:

- Định hướng phát triển các sản phẩm chủ lực, OCOP: Tập trung thực hiện hiệu quả Đề án phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh, trong đó tập trung xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm thông qua hỗ trợ đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, gắn với việc phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) phấn đấu bình quân mỗi xã có 01 sản phẩm được chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh (3-4 sao), toàn tỉnh có 05 sản phẩm được Trung ương công nhận là sản phẩm OCOP Quốc gia (5 sao) trở lên, xây dựng các sản phẩm OCOP đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng hóa, tăng cường áp dụng công nghệ số trong quản lý và thương mại sản phẩm để xây dựng thương hiệu các sản phẩm chủ lực, OCOP, lợi thế của tỉnh trên thị trường trong nước và hướng đến thị trường xuất khẩu.

- Trồng trọt: Đổi mới cơ cấu cây trồng và thực hiện chế độ quản lý mục đích sử dụng đất nông nghiệp một cách linh hoạt hơn nhằm phát huy lợi thế là ngành sản xuất chiến lược đảm bảo nhu cầu trong nước và phục vụ xuất khẩu. Ưu tiên phát triển các cây trồng có lợi thế so sánh và nhu cầu lớn (cây ăn quả, lúa gạo chất lượng cao, ngô phục vụ chế biến, mía, cây gai xanh, cây thức ăn chăn nuôi...), có bước đi phù hợp để thúc đẩy phát triển các cây trồng mới có triển vọng như cây dược liệu, hoa cây cảnh,... Tận dụng điều kiện để phát triển hợp lý các cây trồng nhằm phục vụ chế biến và tiêu dùng (sắn, cói …).

- Chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi tuần hoàn ở cả quy mô trang trại và hộ chăn nuôi chuyên nghiệp, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường; trọng tâm là phát triển các sản phẩm chăn nuôi chủ lực của tỉnh như: Trâu, bò thịt, bò sữa, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm,...; áp dụng mô hình sản xuất theo hợp đồng và xây dựng cụm chăn nuôi công nghiệp, liên kết chặt chẽ với chế biến thực phẩm công nghệ cao. Xây dựng các vùng chăn nuôi tập trung xa nơi dân cư, thuận lợi cho xử lý môi trường và phòng tránh dịch bệnh. Từng bước thay thế mô hình sản xuất gia công giá trị gia tăng thấp, phụ thuộc đầu vào và đầu ra. Quản lý và sử dụng hiệu quả chất thải chăn nuôi, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi.

- Thủy sản: Phát triển thuỷ sản thành một ngành sản xuất hàng hoá lớn, chất lượng và hiệu quả, bền vững; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu thủy sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa và phát triển bền vững gắn với việc tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản vùng lộng, ven bờ và khai thác nội địa hợp lý, gắn phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân với nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái. Phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ khu vực ven sông, ven biển; nuôi thâm canh, công nghệ cao, an toàn sinh học; phát triển nghề nuôi biển và nuôi nước ngọt ở các hồ thủy lợi, thủy điện; nuôi trồng thủy sản hữu cơ. Tăng cường khai thác thủy sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở trữ lượng nguồn lợi thủy sản. Tăng cường ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong công tác bảo quản sau thu hoạch để nâng cao giá trị sản phẩm khai thác. Chủ động thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu; đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa phát triển thủy sản với bảo vệ chủ quyền quốc gia và quốc phòng - an ninh trên các vùng biển, hải đảo.

- Lâm nghiệp: Tập trung quản lý chặt chẽ, bảo vệ và sử dụng bền vững rừng tự nhiên hiện có; đẩy mạnh tái sinh tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nhất là những khu vực nhạy cảm về môi trường; phát triển du lịch sinh thái và kinh tế dưới tán rừng góp phần phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh đối với rừng trồng sản xuất; hình thành một số vùng chuyên canh tập trung, đạt tiêu chuẩn bền vững để đáp ứng cơ bản nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ FSC cho các sản phẩm chủ lực, hướng đến xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu dưới tán rừng, các dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học, nông lâm kết hợp. Phân cấp, giao quyền cho các tổ chức, cộng đồng, cá nhân, hộ gia đình trong việc quản lý, sử dụng rừng và đất rừng để huy động tối đa các nguồn lực xã hội trong quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững rừng và diện tích đất được quy hoạch cho lâm nghiệp, cải thiện sinh kế của người dân.

**2. Tổ chức các khâu quan trọng trong sản xuất nâng cao hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững**

- Thực hiện công tác nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao và ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu; bảo tồn và phát triển giống bản địa. Xây dựng hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh giống đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng phục vụ sản xuất đại trà. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất giống theo hướng công nghiệp hiện đại; đẩy mạnh liên kết công tư trong cung ứng giống có chất lượng, sạch bệnh. Tăng cường công tác quản lý giống nhằm tăng nhanh tỷ lệ sử dụng giống đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cho sản xuất.

- Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng và kinh doanh vật tư nông nghiệp hướng tới nền sản xuất nông nghiệp chuyên nghiệp, có trách nhiệm; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học... Hỗ trợ nông dân đầu tư, áp dụng các thiết bị cơ giới tiên tiến, nhà kính, nhà lưới, chuồng trại chăn nuôi hiện đại, gắn với các quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ cao. Phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp.

- Xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao (dọc đường Hồ Chí Minh, Lam Sơn - Sao Vàng,…). Đầu tư nâng cao năng lực chế biến, bảo quản và các dịch vụ logistics cho các vùng chuyên canh chính, tập trung cho các sản phẩm nông sản chủ lực tỉnh. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, cung cấp đủ nguyên liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho cơ sở chế biến. Thu hút doanh nghiệp “đầu tàu” có đủ năng lực về vốn, khoa học công nghệ và thị trường để dẫn dắt chuỗi giá trị hiệu quả để phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ tại các huyện có sản lượng nông sản lớn, thuận lợi giao thông, lao động, logistics.

**3. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình nông nghiệp tiên tiến**

- Xây dựng chuỗi giá trị cho ngành hàng sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh. Dựa vào các vùng chuyên canh hàng hóa quy mô lớn của các nông sản chủ lực, phát triển hợp tác xã, giảm dần các khâu trung gian, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp chế biến hoặc thương mại lớn để hình thành các chuỗi giá trị; lấy chuỗi giá trị của các nông sản để kết nối các vùng chuyên canh nhỏ, hình thành không gian kinh tế chung giữa các địa phương tương đồng về điều kiện, “vượt qua” địa giới hành chính. Gắn kết các tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích theo mức độ đóng góp giá trị.

- Đẩy mạnh thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng các yêu cầu thị trường như: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo,...), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường, dịch vụ đào tạo và cung cấp chuyển giao công nghệ, dịch vụ kinh doanh nông sản...). Đánh giá hiệu quả các mô hình này để rút kinh nghiệm, nhân rộng quy mô, giới thiệu công nghệ và cách quản lý mới.

**4. Phát triển kinh tế nông thôn tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn;** **đảm bảo công bằng phúc lợi xã hội ở nông thôn;** **xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống**

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn. Hỗ trợ hình thành các tổ chức kinh tế chính thức (hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nghề có đăng ký, tổ chức của Hội nông dân ...) để lao động có hợp đồng làm việc chính thức. Phát triển các tổ chức của nông dân, người lao động (đổi mới hoạt động Hội nông dân, tổ chức các nghiệp đoàn, công đoàn lao động theo các ngành nghề, lĩnh vực hoạt động) để bảo vệ quyền lợi cơ bản và hỗ trợ hiệu quả người lao động trong công tác đào tạo kỹ năng gắn với nhu cầu của thị trường, trang bị bằng cấp, cho vay vốn, hỗ trợ bảo hiểm xã hội, giúp tiếp cận thị trường lao động chính thức.

- Phát triển mạnh kinh tế dịch vụ ở khu vực nông thôn, đa dạng hóa các loại hình, quy mô... để tạo việc làm, thu hút lực lượng lao động không tham gia sản xuất nông nghiệp. Nâng cao hiệu quả, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho nông dân phát triển kinh tế, trang trại và kinh tế hợp tác.

- Nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với trình độ phát triển, văn hóa và điều kiện cụ thể của vùng miền, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững, tránh dàn trải, lãng phí. Tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đầu tư các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu, xã đạt dưới 15 tiêu chí; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí, bảo đảm bền vững. Khuyến khích xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu để tạo lập môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững; đưa nông thôn trở thành “nơi đáng sống”. Xây dựng nông thôn mới thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm thay đổi căn bản hoạt động quản lý, điều hành, giám sát của cơ quan chính quyền; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, góp phần thu hẹp khoảng cách thụ hưởng dịch vụ xã hội cơ bản với thành thị.

- Lấy người dân nông thôn là chủ thể, trọng tâm phát triển, đảm bảo tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển (vốn, đất, nước, năng lượng, khoa học công nghệ,...), các dịch vụ cơ bản, phúc lợi xã hội (dinh dưỡng, y tế, giáo dục, thể thao, văn hóa, thông tin, giao thông...), các cơ hội (học, làm việc, thị trường,...). Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững, đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức giảm nghèo, dứt điểm việc xóa đói và tiến đến xóa nghèo. Đối với những người nghèo ở các vùng thuận lợi thì tạo điều kiện cung cấp tài nguyên, tạo nguồn sinh kế để họ tự tin, chủ động vươn lên cải thiện đời sống. Đối với các ở địa phương nghèo và các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số thì tập trung ưu tiên hỗ trợ, mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội tới tất cả đối tượng dễ bị tổn thương, các đối tượng yếu thế.

**5. Xây dựng cộng đồng vững mạnh làm nòng cốt phát triển nông thôn, sản xuất nông nghiệp**

- Củng cố truyền thống văn hóa tốt đẹp và quan hệ gắn kết cộng đồng đa dạng tại nông thôn (thôn bản, dòng họ, hội quán...) để chủ động phát huy nội lực và tinh thần tự chủ, tự hào, đoàn kết, sáng tạo trong các hoạt động đời sống, phát triển kinh tế, phát triển du lịch nông thôn, tăng hiệu quả quản lý xã hội và tài nguyên thiên nhiên. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống phù hợp với thuần phong, mỹ tục của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh; xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, tiến bộ trong cộng đồng dân cư, đấu tranh đẩy lùi các hủ tục lạc hậu trong đồng bào các dân tộc thiểu số. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của các tổ chức cộng đồng, tổ đoàn kết trên biển, quy ước, hương ước, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” nhằm tạo động lực để khơi dậy sức mạnh và nguồn lực Nhân dân trong quá trình phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, quản lý và bảo vệ rừng, tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở và chủ quyền biển đảo. Xây dựng chính sách và ưu tiên dành nguồn lực tạo điều kiện thuận lợi đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác phát triển cộng đồng, phát triển nông thôn ở tất cả các cấp (nhất là ở cấp cơ sở), một cách chính quy với các chương trình và hình thức phù hợp.

**6. Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thích nghi biến đổi khí hậu**

- Phát triển cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, phát huy lợi thế từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Quy hoạch không gian hợp lý để các ngành sản xuất có tác động nhiều đến môi trường như chăn nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản, chế biến nông sản, giết mổ, xử lý chất thải... cách xa các khu đô thị, vùng dân cư đông dân, khu du lịch nghỉ dưỡng.... Tập trung trồng lại rừng phòng hộ và đặc dụng, phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn, các hồ chứa để bảo vệ chặt chẽ những vùng nhạy cảm về sinh thái, môi trường và đa dạng sinh học.

- Từng bước giảm dần sức ép của phát triển kinh tế - xã hội với môi trường bằng các giải pháp như: Chấm dứt lạm dụng hóa chất, nguyên vật liệu tổng hợp, khó phân hủy; tạo điều kiện tái tạo các nguồn tài nguyên cơ bản như đất, nước, năng lượng (sản xuất năng lượng tái tạo, tích lũy nước mưa, xử lý rác thải ở quy mô hộ, quy mô cơ sở sản xuất,...); đẩy mạnh chế biến sâu, tận dụng phụ phẩm nông sản để chủ động xử lý ô nhiễm ngay tại nguồn. Tổ chức và phối hợp thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản tại các vùng biển về tổng thể và theo chuyên đề để làm cơ sở xác định, điều chỉnh hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản; thực hiện điều tra nghề cá thương phẩm; xác định các giải pháp điều tiết xâm nhập mặn ở cửa sông, cửa biển theo nguyên tắc “Không hối tiếc” để duy trì cân đối sinh thái sông - biển, đảm bảo khả năng tái tạo đa dạng sinh học và duy trì năng lực tự làm sạch ô nhiễm của tự nhiên.

- Chủ động thích ứng biến đổi khí hậu bằng áp dụng các biện pháp canh tác thích nghi; áp dụng rộng rãi các biện pháp kỹ thuật thân thiện với môi trường (làm đất tối thiểu, bón phân và phun thuốc thông minh, tưới tiết kiệm nước, chăn nuôi tiết kiệm nước, sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có khả năng chống chịu....). Tăng cường sử dụng nguyên liệu vi sinh hoặc hữu cơ, áp dụng kỹ thuật thông minh, kinh tế tuần hoàn để tiết kiệm đầu vào, phát triển mạnh tiềm năng sản xuất năng lượng tái tạo kết hợp nông nghiệp để giảm bớt lượng nguyên liệu hóa thạch, giảm phát thải cacbon. Tăng cường trồng rừng, phát triển các cây lâu năm có sinh khối lớn trên bờ và phát triển nuôi trồng các loại rong tảo trên biển để hấp thụ bớt các-bon.

**IV. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH**

**1. Tuyên truyền, giáo dục đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động**

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới, về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Xây dựng Chương trình tuyên truyền, thống nhất từ nhận thức đến hành động của từng nhóm đối tượng với những nội dung chính như:

- Phát triển nền nông nghiệp bền vững: Đảm bảo cơ hội phát triển cho các thế hệ tương lai, khả năng thích ứng và chống chịu biến động, cân đối, hài hòa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế, tái tạo nguyên liệu, năng lượng,... trong sản xuất.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sinh thái: Áp dụng các quy trình sản xuất thân thiện môi trường, bảo vệ cảnh quan; sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư và tài nguyên đầu vào, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường, sức khỏe con người; tôn trọng và vận dụng các quy luật tự nhiên để phát triển nông nghiệp thuận thiên, đa dạng.

- Chuyển từ ngành sản xuất sang phát triển nền kinh tế nông nghiệp. Từ phạm vi sản xuất nông nghiệp sang tích hợp đa ngành dịch vụ, công nghiệp; từ đơn giá trị nông sản sang tích hợp sản phẩm đa giá trị; từ tập trung hỗ trợ người sản xuất sang hỗ trợ tất cả các tác nhân trong chuỗi giá trị.

- Nông nghiệp công nghệ cao: Phát triển và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, giá trị, chất lượng, khả năng thích nghi, hiệu quả sản xuất, giảm tổn thất... Phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, ứng dụng công nghệ số,...

- Phát triển nông nghiệp có trách nhiệm: Đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng về vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường sinh thái và công bằng xã hội, thích ứng biến đổi khí hậu...; bảo vệ quyền lợi, chính đáng của người sản xuất và kinh doanh, đảm bảo công bằng cho người sản xuất nhỏ, các đối tượng yếu thế.

- Đẩy mạnh tư duy phát triển bao trùm: Gắn kết giữa nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ, giữa các địa phương thông qua phát triển các “Cụm ngành”, giữa chuỗi giá trị trong nước và chuỗi giá trị toàn cầu; giữa kinh tế nông thôn và kinh tế đô thị, hộ nông dân với doanh nghiệp trong nước và nước ngoài...

- Tổ chức tuyên truyền, xây dựng các mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sinh thái. Đẩy mạnh công tác đào tạo tập huấn, chuyển giao khoa học công nghệ; nâng cao chất lượng tư vấn dịch vụ khuyến nông; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, tập trung về tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn; hướng dẫn những tiến bộ khoa học kỹ thuật; giới thiệu, khuyến cáo những mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả cho người dân tham khảo học tập. Tăng cường phối hợp với các Viện nghiên cứu, Trường Đại Học, Trung tâm nghiên cứu ứng dụng KHKT trong và ngoài tỉnh để tiếp cận và phối hợp chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về giống mới, kỹ thuật mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

**2. Đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, hoàn thiện quan hệ sản xuất**

- Hỗ trợ nông hộ chuyển sang kinh doanh ngành nghề, công nghiệp, dịch vụ phi nông nghiệp. Xây dựng các chương trình hỗ trợ nông dân kinh doanh khởi nghiệp, khởi nghiệp làm nghề nông.

- Tập trung đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng phát triển hợp tác, liên kết giữa doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác và người dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt định hướng sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ đầu vào và thu mua sản phẩm cho nông dân, từng bước tiến tới xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản. Phát triển HTX sản xuất nông nghiệp kiểu mới để đẩy mạnh liên kết phát triển vùng nguyên liệu cung cấp cho doanh nghiệp chế biến, tạo thành các chuỗi giá trị sản xuất, chế biến và tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, đẩy mạnh thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP; hỗ trợ và tạo điều kiện cho các hợp tác xã, cơ sở, làng nghề xây dựng thương hiệu sản phẩm, xây dựng chỉ dẫn địa lý của đặc sản xứ Thanh, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, tăng cường năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP.

- Sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp. Các công ty nông, lâm nghiệp sau sắp xếp, đổi mới phải có phương án đổi mới cơ chế quản lý sản xuất, kinh doanh, nâng cao trình độ, kỹ năng quản trị doanh nghiệp, gắn trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp, đặc biệt là người đứng đầu với kết quả hoạt động của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu bảo toàn, phát triển vốn nhà nước, tinh gọn bộ máy.

**3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; trình độ, hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo**

- Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, lao động trẻ nông thôn muốn khởi nghiệp các kỹ năng về nông nghiệp, kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số theo hướng “trí thức hóa nông dân”; phát huy mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo của người dân nông thôn; chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, gắn với giải quyết việc làm, xu hướng và nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của từng vùng miền.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học có trọng tâm, trọng điểm gắn với chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến và chuyển đổi số, coi đây là một trong những động lực và giải pháp có tính chất quyết định sự thành công của tái cấu trúc ngành nông nghiệp; trong đó, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa là đơn vị đầu mối về nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng KHCN trong nông nghiệp.

+ Trong trồng trọt: Tập trung nghiên cứu các loại giống, phân bón, quy trình công nghệ, thiết bị mới thích ứng với điều kiện sản xuất và nâng cao giá trị, chất lượng; bảo tồn các nguồn gen quý, bản địa của địa phương; xây dựng hệ thống quản lý số, ứng dụng công nghệ thông tin, đồng bộ hóa theo chuỗi giá trị đối với các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn; quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), quản lý dịch hại tổng hợp (IPM).

+ Trong chăn nuôi: Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ sinh học vào lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, sản xuất vắc xin, nhận dạng, truy xuất động vật, giết mổ, chế biến, phòng, chống dịch bệnh và xử lý môi trường chăn nuôi. Nâng cao tầm vóc đàn bò theo hướng Zebu; nhập bổ sung tinh bò thịt cao sản, bò sữa năng suất cao và một số bò đực cao sản để sản xuất tinh; quản lý giống lợn, giống gia cầm theo mô hình tháp giống gắn với từng vùng sản xuất, từng thương hiệu sản phẩm.

+ Trong lâm nghiệp: Ứng dụng công nghệ nhân giống cây lâm nghiệp bằng mô, hom; tuyển chọn các loại giống mới có năng suất cao, phù hợp với điều kiện lập địa, phục vụ nhu cầu trồng rừng gỗ lớn. Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) để nhận dạng nhanh các loài động, thực vật nguy cấp, quý hiếm. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong quản lý tài nguyên rừng, quản lý đa dạng sinh học, hệ thống giám sát, cảnh báo sớm cháy rừng.

+ Trong thủy sản: Tiếp tục nghiên cứu và nhân rộng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để ứng dụng trong sản xuất giống, nuôi thương phẩm thủy sản phù hợp với từng vùng sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu. Áp dụng công nghệ hiện đại trong khai thác thủy sản (máy dò cá Sonar; máy thu lưới đối với nghề lưới vây, nghề chụp; lắp đặt hầm bảo quản bằng vật liệu mới, công nghệ cấp đông sản phẩm trên tàu cá, đèn led...).

- Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả một số chương trình nghiên cứu lớn, gồm: Chương trình nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, Đề án phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

- Đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức và hoạt động khuyến nông, đảm bảo bộ máy tinh, gọn, hiệu quả, phù hợp với từng loại hình sản xuất và địa phương; tăng cường phối hợp giữa khuyến nông nhà nước với khuyến nông của doanh nghiệp; phát triển khuyến nông điện tử, khuyến nông cộng đồng; phân cấp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp. Phối hợp chặt chẽ công tác đào tạo, nghiên cứu và khuyến nông.

**4. Phát triển thị trường tiêu thụ đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản**

- Với thị trường trong nước: Đổi mới hệ thống phân phối nông sản trong nước; kết nối hệ thống chế biến, phân phối và bán lẻ hiện đại, truyền thống với các chuỗi cung ứng nông sản và gắn với các vùng chuyên canh, liên kết để đưa nông sản vào các hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trong nước. Hình thành hệ thống chợ đầu mối gắn với chuỗi logistics ở các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp. Hiện đại hóa hệ thống chợ phù hợp với tập quán và điều kiện cụ thể của từng địa phương, thực hiện tốt truy xuất nguồn gốc, chất lượng hàng hóa, bảo đảm an toàn thực phẩm. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và hệ thống trang thiết bị, kinh phí hoạt động để các tổ chức nông dân và hợp tác xã chủ động xây dựng được hệ thống kinh doanh bán lẻ tại các thị trường nội địa chính trong nước. Đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, có chính sách hỗ trợ các đơn vị sản xuất kinh doanh phát triển thương mại điện tử, xây dựng các kênh phân phối, liên kết trực tiếp giữa vùng sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm cuối cùng.

- Với thị trường xuất nhập khẩu: Chủ động phát huy cơ hội các Hiệp định thương mại tự do đã được ký kết để giữ ổn định các thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới, tránh phụ thuộc vào một vài thị trường. Không khuyến khích hình thức buôn bán tiểu ngạch qua biên giới, thúc đẩy kinh doanh chính ngạch; xây dựng các chuỗi vận tải hàng hóa kết nối trực tiếp bằng đường sắt và container đường biển. Các cơ quan chức năng chủ động phối hợp với các Hiệp hội doanh nghiệp để giải quyết và tháo gỡ những hàng rào kỹ thuật, các tranh chấp pháp lý quốc tế. Phân cấp và trao quyền để các hiệp hội ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp chủ động tham gia, đảm bảo hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại. Xây dựng cơ chế cung cấp thông tin hiệu quả, kịp thời để doanh nghiệp và người sản xuất chủ động thích nghi với những thay đổi về chính sách, các cam kết thương mại quốc tế. Kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu nông sản, đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn sinh học, bảo vệ hợp lý sản xuất trong nước.

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường nông sản đáp ứng yêu cầu của ngành nông nghiệp hàng hóa hiện đại, quy mô lớn và bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Nâng cao năng lực dự báo, đánh giá, cảnh báo thông tin về thị trường các nông sản chủ lực, kịp thời cung cấp thông tin để các cơ quan chức năng, doanh nghiệp và người dân chủ động điều chỉnh sản xuất phù hợp với yêu cầu thị trường, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thừa cung, ùn ứ hàng hóa, đứt gãy chuỗi cung ứng. Ứng dụng công nghệ số để giám sát nguồn cung chặt chẽ tại các vùng sản xuất nông nghiệp chính, đánh giá nhu cầu tại các thị nường chính trong và ngoài nước, giám sát lưu thông, tồn trữ hàng hóa vận chuyển tại các cửa khẩu giao dịch chính. Hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ nông dân (xây dựng chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ bản quyền thương hiệu,...).

**5. Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng**

- Tập trung phát triển hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn (giao thông, điện, thủy lợi, nước sinh hoạt, môi trường, công trình văn hóa xã, thôn) tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nâng cao nhanh hơn đời sống của cư dân nông thôn. Thu hút đầu tư xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng, huyện Thọ Xuân với quy mô 200 ha (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 về Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030); ưu tiên đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi đầu mối, công trình trọng điểm của tỉnh; đẩy mạnh đầu tư hoàn thành chương trình nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa, trạm bơm trên địa bàn tỉnh; hoàn thành, đưa vào sử dụng một số dự án lớn như: dự án thủy lợi sông Lèn; đầu tư xây dựng hệ thống công trình thủy lợi Cẩm Hoàng trên sông Mã; nâng cấp hệ thống kênh Bái Thượng; nghiên cứu đầu tư xây dựng các đập ngăn cửa Sông Mã, sông Lạch Trường, sông Yên; dự án tăng cường khả năng tiêu thoát lũ vùng Bắc Thanh Hóa; cải tạo hệ thống tiêu thủy sông Hoàng, sông Lý và tiêu thủy Thọ Xuân... Hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão theo quy hoạch đáp ứng yêu cầu phòng chống bão lũ và thích ứng với biến đổi khí hậu; trong đó, tập trung thực hiện một số dự án trọng điểm, gồm: Tu bổ, nâng cấp đê sông Chu, sông Mã, sông Lèn, sông Lạch trường, sông Hoạt, sông Càn, sông Bạng, đê hữu sông Thị Long qua thị xã Nghi Sơn, đê tả sông Yên qua huyện Nông Cống và nâng cấp, xử lý các trọng điểm xung yếu của các tuyến đê cấp IV khác; cải tạo, nâng cấp mở rộng cảng cá Lạch Hới; nâng cấp mở rộng cảng cá Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia.

- Tăng cường đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung và hệ thống giao thông đến các khu vực chế biến để thuận tiện cho việc vận chuyển vật tư và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp, công trình phòng cháy chữa cháy rừng, trạm bảo vệ rừng, cọc mốc ranh giới khu rừng; đầu tư phát triển hạ tầng thiết yếu phục vụ nuôi tôm nước lợ ,… Tiếp tục cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng cơ bản phục vụ sản xuất và dân sinh ở nông thôn (giao thông, điện, thủy lợi, trường học, trạm y tế, nước sạch tập trung, …) gắn với phát triển đô thị, từng bước bắt kịp tốc độ phát triển chung của vùng, tạo kết nối đồng bộ; ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông ở những địa bàn khó khăn do đặc thù điều kiện về địa hình, tạo sức bật để các địa phương khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế sẵn có; đầu tư hệ thống thu, mua, kết nối, cung ứng nông sản hiện đại, cơ sở hạ tầng thương mại gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

**6. Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước**

- Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. Đổi mới, hoàn thiện hệ thống bộ máy quản lý ngành. Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống quản lý nghành nông nghiệp từ tỉnh đến cơ sở. Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống dịch vụ công về giống, bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông, quản lý chất lượng nông sản và vật tư nông nghiệp, đào tạo nghề... trên cơ sở tăng cường xã hội hóa. Định hướng đổi mới và tăng cường năng lực cho hệ thống quản lý chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng.

- Đổi mới, nâng cao vai trò của Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã để thực sự trở thành đại diện bảo vệ quyền lợi và phục vụ cho nông dân và xã viên hợp tác xã. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; các hội, hiệp hội nghề nghiệp, đưa các tổ chức xã hội ở nông thôn vào tham gia quá trình phát triển kinh tế xã hội, môi trường, thể chế trong nông nghiệp, nông thôn. Đề cao vai trò chủ thể của người dân để phát huy khả năng sáng tạo, đặt họ vào vị trí trung tâm của quá trình chuyển đổi tư duy phát triển nông nghiệp bền vững. Xây dựng cộng đồng dân cư ở nông thôn hiện đại, dân chủ, công bằng, văn minh theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” để người dân thực sự đóng vai trò chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển.

**7. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn**

- Phát triển và hướng đến đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp nông thôn. Xây dựng phương án tổng thể về phát triển hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống định danh gắn với đối tượng quản lý; chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp, nông thôn trên nền tảng dữ liệu lớn (Big data) đồng bộ, kết nối và liên thông hoàn thiện hệ thống hạ tầng cho sản xuất. Xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu về nông nghiệp làm cơ sở cho phân tích, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư cho chuyển đổi nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.

**8. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro**

- Triển khai có hiệu quả các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các nhóm sản xuất công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao; kiên quyết di chuyển các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra xa khu dân cư hoặc loại bỏ các dự án sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm tới môi trường. Tăng cường quản lý, bảo vệ nguồn nước, môi trường các lưu vực sông, xử lý ô nhiễm khu vực cửa biển; chú trọng bảo vệ đa dạng sinh học; khuyến khích đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh; thực hiện nâng cấp, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước, các đoạn đê biển, đê sông xung yếu, xây dựng cống ngăn mặn, giữ ngọt. Bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông. Áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính thông qua quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đầu vào; xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp; quản lý và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng mới (nhất là rừng gỗ lớn) và tái sinh tự nhiên để tăng độ che phủ và khả năng hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng; phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các công nghệ hiện đại, các giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao, xác lập cơ chế giám sát chặt chẽ để thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, phát thải các-bon thấp. Tăng cường nghiên cứu và chuyển giao các giống vật nuôi, cây trồng thích ứng được với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo, xác định rủi ro là cơ sở đề ra các giải pháp đồng bộ, chủ động bảo vệ các nguy cơ về dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường... Nâng cao năng lực phục hồi của hệ thống sản xuất, đảm bảo nguyên tắc phát triển hài hòa các lợi ích xã hội, kinh tế và môi trường. Có kế hoạch tiến hành các nghiên cứu và tập trung xác định giải pháp để chủ động đối phó, khắc phục hệ thống các vấn đề rủi ro bất định theo các phương án kịch bản đối với các nguy cơ quan trọng cho sản xuất và phát triển nông thôn như các đối tượng dịch bệnh chính gây thiệt hại quy mô rộng (cúm gia cầm, dịch tả lợn châu Phi, viêm da nổi cục trâu, bò...), các hiện tượng nguy hại (sụt lở sông, sụt lún nền, xâm nhập mặn,...), các xu hướng diễn biến bất lợi (già hóa dân số, di cư tự phát,...),... đảm bảo phát triển vững bền và nông nghiệp luôn là nền tảng ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

**9. Hội nhập và hợp tác quốc tế**

Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng các nguồn vốn phát triển chính thức (ODA), tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững; thu hút có lựa chọn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện các điều ước và thỏa thuận quốc tế song phương, đa phương đã ký kết có liên quan đến nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ và giám sát thực hiện các điều ước và thỏa thuận quốc tế có hiệu quả, nhất là trong khuôn khổ Cộng đồng ASEAN và các FTAs. Triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển thị trường xuất khẩu, chủ động tham gia chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu, hài hòa hóa quy định trong nước với quốc tế.

**10. Xây dựng, hoàn thiện và triển khai một số cơ chế, chính sách đột phá**

- Chính sách tài chính, tín dụng: Tăng nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn nhất là đầu từ ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ; huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh phát triển quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng HTX khu vực nông thôn; tiếp tục ưu tiên dành vốn tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn. Đổi mới cơ chế thủ tục hành chính để tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Chính sách đầu tư: Điều chỉnh chiến lược đầu tư công nghiệp và dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn ở các vùng có lợi thế, vùng chuyên canh chính. Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp (sản xuất vật tư, thiết bị, máy móc đầu vào; công nghiệp chế biến nông sản,...); dịch vụ phục vụ nông nghiệp (kho bãi, vận tải chuyên dụng, thương mại, logistic,...).

- Chính sách phát triển nguồn nhân lực: Đổi mới hoạt động đào tạo nghề cho nông dân, lao động nông thôn. Đào tạo năng lực cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý ngành nông nghiệp về kỹ năng đàm phán, pháp lý, phân tích thị trường, quản lý sinh thái, quản lý trách nhiệm, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh,... Xây dựng chương trình đào tạo “nông dân chuyên nghiệp”, “lao động tay nghề cao”.

**V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM, ƯU TIÊN**

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

**VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN**

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

4. Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

**VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan đầu mối tổng hợp, đôn đốc, kiểm tra trong việc thực hiện Kế hoạch này, định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện hàng năm và theo yêu cầu; tổ chức sơ kết thực hiện Kế hoạch vào năm 2025 và tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch vào năm 2030.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư công để xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành; chủ động triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; cơ chế, chính sách hỗ trợ hợp tác xã. Phối hợp với Sở Tài chính trong việc tham mưu, bố trí vốn ngân sách tỉnh thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở, ngành có liên quan tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí ngân sách trung ương, bố trí dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Thanh Hóa tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng đơn giản hóa thủ tục, cân đối nguồn vốn nhằm đáp ứng cho nhu cầu vốn và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tiếp cận nguồn vốn tín dụng để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, cơ giới hóa, phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn.

5. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và địa phương chủ trì các hoạt động xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm nông sản như tổ chức hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm vào các kênh tiêu thụ; hỗ trợ tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị. Hỗ trợ Cục Quản lý thị trường tỉnh kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại hàng nông sản.

6. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan hỗ trợ và thúc đẩy ứng dụng, đổi mới công nghệ tiên tiến, hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản cho doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; xây dựng chỉ dẫn địa lý, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, nhãn mác, thương hiệu sản phẩm nông sản. Chủ trì phối hợp với sở, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lực cao đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0; xây dựng đề án thành lập Khu công nghệ cao tỉnh Thanh Hóa.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, đôn đốc các địa phương khẩn trương hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, sau đổi điền dồn thửa theo quy định.

8. Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền về Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; theo dõi, giám sát việc thông tin, tuyên truyền của các cơ quan truyền thông.

9. Các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; đào tạo nghề gắn với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, hợp tác xã...). Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản đáp ứng nhu cầu của cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

10. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và địa phương đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đủ năng lực tiếp cận công nghệ hiện đại để tạo đột phá trong nghiên cứu, chọn, tạo và sản xuất giống, công nghệ di truyền, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tham mưu cho UBND tỉnh đề xuất Chính phủ có ý kiến về chính sách đổi mới, hoàn thiện hệ thống bộ máy quản lý ngành nông nghiệp để cải cách thể chế, thủ tục quản lý, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức nông dân, kinh tế hợp tác và khối tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công, đổi mới hoạt động đoàn thể xã hội theo nội dung Chiến lược.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và triển khai Đề án phát triển du lịch nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa; phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tại các thị trường khách du lịch trọng điểm.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ các mục tiêu, định hướng và giải pháp của Chiến lược, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn phù hợp với thực tiễn.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách trung ương, tỉnh đã ban hành, đồng thời nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả phát triển nông nghiệp, nông thôn. Bố trí ngân sách địa phương các cấp, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng điểm phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của địa phương; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm đặc sản của địa phương, gắn với công nghiệp chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Triển khai các giải pháp tăng cường liên kết vùng, hướng tới phát triển các cụm liên kết sản xuất - bảo quản, chế biến - tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, kết nối với cơ sở chế biến nông sản và hệ thống logistic, kênh phân phối, tiêu thụ nông sản.

13. Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, hiệp hội ngành hàng, hội nghề nghiệp chủ động, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp để thực hiện các định hướng của Kế hoạch; tham gia có trách nhiệm trong công tác truyền thông, phản biện xã hội và vận động thành viên, hội viên, quần chúng Nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tham gia đề xuất cơ chế chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân là thành viên tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH** **Lê Đức Giang** |

**Phụ lục**

 **DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM ĐỂ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(kèm theo Kế hoạch số 82 /KH-UBND ngày 24 / 3 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chương trình, đề án** | **Đơn vị chủ trì** | **Đơn vị phối hợp** | **Thời gian trình** |
| 1 | Cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư. | Sở Khoa họcvà Công nghệ | Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Công Thương, Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN, các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan  | Trước tháng 5 năm 2022 |
| 2 | Đề án phát triển khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh Thanh Hóa | Sở Thông tin vàTruyền thông | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN | Trước tháng 6 năm 2022 |
| 3 | Đề án nâng cấp hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa kết nối liên thông với các hệ thống hông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành trong tỉnh.  | Sở Tài nguyên vàMôi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ngành và địa phương có liên quan | Trước tháng 6 năm 2022 |
| 4 | Đề án phát triển nuôi cá lồng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan | Quý III năm 2022 |
| 5 | Xây dựng bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 1) | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan | Qúy III năm 2022 |
| 6 | Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thông minh để hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao; hình thành và phát triển các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan | Qúy III năm 2022 |
| 7 | Đề án phát triển thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở Tài chính, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển và các đơn vị liên quan | Tháng 10 năm 2022 |
| 8 | Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2030 | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan | Qúy IV năm 2022 |
| 9 | Đề án phát triển rừng bền vững huyện Mường Lát, giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn 2030 | Viện Nông nghiệp Thanh Hóa | Các sở, ban, ngành và UBND Mường Lát và các đơn vị có liên quan | Quý IV năm 2022 |
| 10 | Đề án Sưu tầm, bảo tồn và phát triển nguồn gen một số cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030  | Viện Nông nghiệp Thanh Hóa | Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan | Năm 2023 |
| 11 | Đề án thành lập Khu công nghệ cao tỉnh Thanh Hóa | Sở Khoa học vàCông nghệ | Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương, các sở, ngành và địa phương có liên quan | Trước tháng 12 năm2024 |